

DANH SÁCH CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Hiệu lực từ ngày 21 tháng 03 năm 2025

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
1	AAA	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	30	30	-	30	30	-	16,000
2	ACB	HOSE	Ngân hàng TMCP Á Châu	50	50	-	50	50	-	-
3	ACC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	30	30	-	30	30	-	15,000
4	ACG	HOSE	Công ty cổ phần Gỗ An Cường	40	40	-	40	40	-	50,000
5	ACL	HOSE	Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	30	30	-	30	30	-	20,000
6	ADS	HOSE	Công ty Cổ phần Damsan	20	20	-	20	20	-	18,900
7	AGG	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	30	30	-	30	30	-	44,700
8	AGR	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	40	40	-	40	40	-	-
9	ANV	HOSE	Công ty Cổ phần Nam Việt	50	50	-	50	50	-	-
10	APG	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	25	25	-	25	25	-	11,000
11	ASM	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	40	40	-	40	40	-	20,000
12	AST	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	20	20	-	20	20	-	80,000
13	BAF	HOSE	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	20	20	-	20	20	-	30,000
14	BCG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	30	-	(30)	30	-	(30)	-
15	BCM	HOSE	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	50	50	-	50	50	-	-
16	BFC	HOSE	Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	40	40	-	40	40	-	-
17	BHN	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội	20	20	-	20	20	-	-
18	BIC	HOSE	Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	20	20	-	20	20	-	39,900
19	BID	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
20	BMI	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	50	50	-	50	50	-	38,700
21	BMP	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	50	50	-	50	50	-	130,000
22	BSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	50	50	-	50	50	-	-
23	BTP	HOSE	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	30	30	-	30	30	-	-
24	BTW	HNX	CTCP Cấp nước Bến Thành	20	20	-	20	20	-	-
25	BVH	HOSE	Tập đoàn Bảo Việt	50	50	-	50	50	-	60,000

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
26	BVS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	50	50	-	50	50	-	60,000
27	BWE	HOSE	Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	50	50	-	50	50	-	75,000
28	CCL	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	30	30	-	30	30	-	12,000
29	CDC	HOSE	Công ty Cổ phần Chương Dương	30	30	-	30	30	-	20,000
30	CDN	HNX	Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	30	30	-	30	30	-	-
31	CEO	HNX	CTCP Tập đoàn C.E.O	30	30	-	30	30	-	35,000
32	CHP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	40	40	-	40	40	-	-
33	CII	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	40	40	-	40	40	-	-
34	CLC	HOSE	Công ty Cổ phần Cát Lợi	40	40	-	40	40	-	67,600
35	CLH	HNX	CTCP Xi măng La Hiên VVMI	20	20	-	20	20	-	-
36	CMG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	40	40	-	40	40	-	-
37	CNG	HOSE	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
38	CSC	HNX	CTCP Tập đoàn COTANA	20	20	-	20	20	-	40,000
39	CSM	HOSE	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	20	30	10	20	30	10	20,000
40	CSV	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam	50	50	-	50	50	-	-
41	CTD	HOSE	Công ty Cổ phần Xây dựng COTECCONS	50	50	-	50	50	-	100,000
42	CTF	HOSE	Công ty Cổ phần City Auto	20	20	-	20	20	-	15,000
43	CTG	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
44	CTI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	20	20	-	20	20	-	30,100
45	CTR	HOSE	Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel	50	50	-	50	50	-	100,000
46	CTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
47	CVT	HOSE	Công ty Cổ phần CMC	20	20	-	20	20	-	40,000
48	DBC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
49	DBD	HOSE	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	50	50	-	50	50	-	80,000
50	DCL	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	20	20	-	20	20	-	32,000
51	DCM	HOSE	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	50	50	-	50	50	-	-
52	DGC	HOSE	CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	50	50	-	50	50	-	-
53	DGW	HOSE	Công ty Cổ phần Thế Giới Số	50	50	-	50	50	-	-
54	DHA	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa An	50	50	-	50	50	-	-
55	DHC	HOSE	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	50	50	-	50	50	-	-
56	DHG	HOSE	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	50	50	-	50	50	-	150,000
57	DHT	HNX	CTCP Dược phẩm Hà Tây	40	40	-	40	40	-	50,000
58	DIG	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	50	50	-	50	50	-	40,000

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
59	DMC	HOSE	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	30	30	-	30	30	-	-
60	DNP	HNX	Công ty cổ phần DNP Holding	25	25	-	25	25	-	-
61	DP3	HNX	CTCP Dược phẩm Trung ương 3	20	20	-	20	20	-	-
62	DPG	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	50	50	-	50	50	-	115,300
63	DPM	HOSE	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	50	50	-	50	50	-	-
64	DPR	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	50	50	-	50	50	-	80,000
65	DRC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	50	50	-	50	50	-	45,000
66	DSN	HOSE	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	50	50	-	50	50	-	70,000
67	DTD	HNX	CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt	20	30	10	20	30	10	35,000
68	DVM	HNX	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	20	20	-	20	20	-	20,000
69	DVP	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	40	40	-	40	40	-	80,000
70	DXG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	45	50	5	45	50	5	20,000
71	DXP	HNX	CTCP Cảng Đoạn Xá	40	40	-	40	40	-	20,000
72	DXS	HOSE	Công ty cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	30	30	-	30	30	-	10,000
73	E1VFN30	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30	50	50	-	50	50	-	-
74	EIB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
75	EID	HNX	CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	20	20	-	20	20	-	30,000
76	ELC	HOSE	Công ty cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom	20	20	-	20	20	-	-
77	EVF	HOSE	Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	20	20	-	20	20	-	-
78	EVS	HNX	Công ty cổ phần Chứng khoán Everest	30	30	-	30	30	-	20,000
79	FIR	HOSE	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	20	20	-	20	20	-	15,000
80	FMC	HOSE	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	50	50	-	50	50	-	83,200
81	FPT	HOSE	Công ty Cổ phần FPT	50	50	-	50	50	-	-
82	FRT	HOSE	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	50	50	-	50	50	-	-
83	FTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	50	50	-	50	50	-	-
84	FUEBFVND	HOSE	Chứng chỉ quỹ ETF BVFVN DIAMOND	50	50	-	50	50	-	-
85	FUEDCMID	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN MIDCAP	50	50	-	50	50	-	-
86	FUEFCV50	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50	50	50	-	50	50	-	-
87	FUEKIVFS	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT	50	50	-	50	50	-	-
88	FUEMAV30	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF MAFM VN30	50	50	-	50	50	-	-
89	FUEMAVND	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND	50	50	-	50	50	-	-
90	FUESSV30	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF SSIAM VN30	50	50	-	50	50	-	-
91	FUESSV50	HOSE	Chứng chỉ quỹ ETF SSIAM VNX50	50	50	-	50	50	-	-

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
92	FUESSVFL	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD	50	50	-	50	50	-	-
93	FUEVFNVD	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND	50	50	-	50	50	-	-
94	FUEVN100	HOSE	Công ty cổ phần Quản Lý Quỹ VinaCapital (Quỹ ETF VINACAPITALVN100)	50	50	-	50	50	-	-
95	GAS	HOSE	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50	50	-	50	50	-	-
96	GDT	HOSE	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	50	50	-	50	50	-	50,000
97	GEG	HOSE	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	30	30	-	30	30	-	-
98	GEX	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	50	50	-	50	50	-	-
99	GMD	HOSE	Công ty Cổ phần GEMADEPT	50	50	-	50	50	-	-
100	GSP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	40	40	-	40	40	-	20,000
101	GVR	HOSE	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần	50	50	-	50	50	-	-
102	HAH	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	50	50	-	50	50	-	-
103	HAX	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	50	50	-	50	50	-	30,000
104	HCD	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	20	20	-	20	20	-	12,000
105	HCM	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	50	50	-	50	50	-	-
106	HDB	HOSE	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	50	50	-	50	50	-	-
107	HDC	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa – Vũng Tàu	50	50	-	50	50	-	-
108	HDG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	50	50	-	50	50	-	-
109	HHP	HOSE	Công ty cổ phần HHP GLOBAL	20	20	-	20	20	-	14,000
110	HHS	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	20	20	-	20	20	-	12,000
111	HHV	HOSE	CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	40	40	-	40	40	-	-
112	HJS	HNX	CTCP Thủy điện Nậm Mu	20	20	-	20	20	-	-
113	HMC	HOSE	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	20	20	-	20	20	-	15,000
114	HPG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	50	50	-	50	50	-	-
115	HQC	HOSE	Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	20	20	-	20	20	-	10,000
116	HSG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	50	50	-	50	50	-	40,000
117	HT1	HOSE	CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên	40	40	-	40	40	-	24,100
118	HTG	HOSE	Tổng công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ	40	40	-	40	40	-	-
119	HTN	HOSE	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	20	20	-	20	20	-	18,000
120	HUB	HOSE	Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	20	20	-	20	20	-	25,000
121	HUT	HNX	CTCP Tasco	50	50	-	50	50	-	35,000
122	HVH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	20	20	-	20	20	-	10,300

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
123	HVT	HNX	CTCP Hóa chất Việt Trì	40	40	-	40	40	-	-
124	IDC	HNX	Tổng Công ty IDICO - CTCP	50	50	-	50	50	-	-
125	IDI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	40	40	-	40	40	-	23,700
126	IDV	HNX	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	30	30	-	30	30	-	50,000
127	IJC	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	40	40	-	40	40	-	21,600
128	ILB	HOSE	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	40	40	-	40	40	-	-
129	IMP	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	50	50	-	50	50	-	100,000
130	INN	HNX	CTCP Bao bì và In Nông nghiệp	40	40	-	40	40	-	-
131	IPA	HNX	CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A	20	20	-	20	20	-	31,000
132	ITC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà	40	40	-	40	40	-	-
133	KBC	HOSE	Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc – Công ty Cổ phần	50	50	-	50	50	-	-
134	KDC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	50	50	-	50	50	-	-
135	KDH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	50	50	-	50	50	-	-
136	KHG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	35	35	-	35	35	-	6,000
137	KSB	HOSE	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	50	50	-	50	50	-	-
138	L14	HNX	CTCP Licogi 14	20	20	-	20	20	-	60,000
139	LAS	HNX	CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	30	30	-	30	30	-	25,000
140	LBM	HOSE	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	20	20	-	20	20	-	76,800
141	LCG	HOSE	Công ty cổ phần LIZEN	40	40	-	40	40	-	15,000
142	LHC	HNX	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	30	30	-	30	30	-	80,000
143	LHG	HOSE	Công ty Cổ phần Long Hậu	50	50	-	50	50	-	-
144	LIX	HOSE	Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	40	40	-	40	40	-	-
145	LPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
146	LSS	HOSE	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	40	40	-	40	40	-	15,000
147	MBB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	50	50	-	50	50	-	-
148	MBS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	50	50	-	50	50	-	-
149	MCM	HOSE	Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	-	50	50	-	50	50	50,000
150	MIG	HOSE	Tổng Công ty cổ phần Bảo Hiểm Quân Đội	50	50	-	50	50	-	30,000
151	MSB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
152	MSH	HOSE	Công ty Cổ phần May Sông Hồng	50	50	-	50	50	-	64,400
153	MSN	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	50	50	-	50	50	-	-
154	MWG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	50	50	-	50	50	-	-
155	NAB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	20	20	-	20	20	-	24,500

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
156	NAF	HOSE	Công ty Cổ phần Nafoods Group	30	30	-	30	30	-	25,000
157	NBB	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	10	10	-	10	10	-	28,000
158	NBC	HNX	CTCP Than Núi Béo - Vinacomin	20	20	-	20	20	-	20,000
159	NCT	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	50	50	-	50	50	-	120,000
160	NDN	HNX	CTCP Đầu tư phát triển Nhà Đà Nẵng	20	20	-	20	20	-	20,000
161	NET	HNX	Công ty Cổ Phần Bột Giặt NET	20	20	-	20	20	-	-
162	NHH	HOSE	CTCP Nhựa Hà Nội	30	30	-	30	30	-	29,500
163	NHT	HOSE	CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	10	10	-	10	10	-	20,000
164	NKG	HOSE	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	50	50	-	50	50	-	-
165	NLG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	50	50	-	50	50	-	-
166	NNC	HOSE	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	20	20	-	20	20	-	25,000
167	NSC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giồng cây trồng Việt Nam	30	30	-	30	30	-	100,000
168	NTL	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	50	50	-	50	50	-	60,000
169	NTP	HNX	CTCP Nhựa Thiếu niên- Tiền Phong	50	50	-	50	50	-	-
170	OCB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	50	50	-	50	50	-	40,000
171	OPC	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	50	50	-	50	50	-	30,000
172	ORS	HOSE	Công ty cổ phần chứng khoán Tiên Phong	50	50	-	50	50	-	-
173	PAC	HOSE	Công ty Cổ phần Pin Ác quy miền Nam	50	50	-	50	50	-	57,400
174	PAN	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	50	50	-	50	50	-	40,000
175	PC1	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn PC1	50	50	-	50	50	-	-
176	PDR	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	50	50	-	50	50	-	40,000
177	PET	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	50	50	-	50	50	-	45,000
178	PGC	HOSE	Tổng Công ty Gas Petrolimex - Công ty Cổ phần	20	20	-	20	20	-	18,900
179	PGD	HOSE	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	40	40	-	40	40	-	60,000
180	PGI	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	20	20	-	20	20	-	30,000
181	PGS	HNX	CTCP Kinh doanh Khí miền Nam	40	40	-	40	40	-	-
182	PHR	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	50	50	-	50	50	-	80,000
183	PLC	HNX	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	50	50	-	50	50	-	-
184	PLX	HOSE	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
185	PNJ	HOSE	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	50	50	-	50	50	-	-
186	POW	HOSE	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	50	50	-	50	50	-	-
187	PPC	HOSE	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	40	40	-	40	40	-	30,000
188	PSD	HNX	CTCP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	30	30	-	30	30	-	20,000

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
189	PSI	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	20	20	-	20	20	-	15,000
190	PTB	HOSE	Công ty Cổ phần Phú Tài	50	50	-	50	50	-	107,500
191	PTI	HNX	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	20	20	-	20	20	-	70,000
192	PVB	HNX	CTCP Bọc Ống Dầu khí Việt Nam	40	40	-	40	40	-	-
193	PVC	HNX	Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	20	20	-	20	20	-	25,000
194	PVD	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	50	50	-	50	50	-	-
195	PVI	HNX	CTCP PVI	30	30	-	30	30	-	60,000
196	PVP	HOSE	CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	50	50	-	50	50	-	23,000
197	PVS	HNX	Tổng CTCP Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
198	PVT	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	50	50	-	50	50	-	-
199	REE	HOSE	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	50	50	-	50	50	-	100,000
200	S55	HNX	Công ty cổ phần Sông Đà 505	10	10	-	10	10	-	65,000
201	S99	HNX	Công ty cổ phần SCI	10	10	-	10	10	-	16,300
202	SAB	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	50	50	-	50	50	-	90,000
203	SAM	HOSE	Công ty Cổ phần SAM Holdings	35	35	-	35	35	-	6,000
204	SAV	HOSE	Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex	20	20	-	20	20	-	20,000
205	SBA	HOSE	Công ty Cổ phần Sông Ba	30	30	-	30	30	-	-
206	SBT	HOSE	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	50	50	-	50	50	-	21,700
207	SCR	HOSE	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	30	40	10	30	40	10	15,000
208	SCS	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	50	50	-	50	50	-	130,000
209	SFI	HOSE	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	20	20	-	20	20	-	48,200
210	SGN	HOSE	Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	50	50	-	50	50	-	93,600
211	SHB	HOSE	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	50	50	-	50	50	-	-
212	SHI	HOSE	Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	20	20	-	20	20	-	15,000
213	SHP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	30	30	-	30	30	-	-
214	SHS	HNX	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	50	50	-	50	50	-	25,000
215	SIP	HOSE	CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG	50	50	-	50	50	-	-
216	SJD	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	30	30	-	30	30	-	20,000
217	SJE	HNX	CTCP Sông Đà 11	20	20	-	20	20	-	-
218	SJS	HOSE	Công ty cổ phần SJ GROUP	35	40	5	35	40	5	80,000
219	SKG	HOSE	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	30	30	-	30	30	-	20,500
220	SLS	HNX	CTCP Mía đường Sơn La	50	50	-	50	50	-	200,000
221	SMB	HOSE	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	40	40	-	40	40	-	50,000

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
222	SSB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	40	40	-	40	40	-	-
223	SSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	50	50	-	50	50	-	-
224	ST8	HOSE	CTCP Tập Đoàn ST8	20	20	-	20	20	-	20,000
225	STB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	50	50	-	50	50	-	-
226	STG	HOSE	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	20	20	-	20	20	-	-
227	SVC	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	40	40	-	40	40	-	45,000
228	SZC	HOSE	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	50	50	-	50	50	-	-
229	TBC	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	30	30	-	30	30	-	-
230	TCB	HOSE	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
231	TCD	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi	20	-	(20)	20	-	(20)	-
232	TCH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	40	40	-	40	40	-	15,000
233	TCL	HOSE	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	50	50	-	50	50	-	-
234	TCM	HOSE	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	50	50	-	50	50	-	68,000
235	TCO	HOSE	Cổ phiếu Công ty cổ phần TCO Holdings	20	20	-	20	20	-	20,000
236	TCT	HOSE	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	10	10	-	10	10	-	30,000
237	TDM	HOSE	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	50	50	-	50	50	-	-
238	TDP	HOSE	CTCP Thuận Đức	20	20	-	20	20	-	40,000
239	TEG	HOSE	Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	30	30	-	30	30	-	12,000
240	THG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	50	50	-	50	50	-	65,900
241	THT	HNX	CTCP Than Hà Tu - Vinacomin	20	20	-	20	20	-	20,000
242	TIG	HNX	CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	20	20	-	20	20	-	17,000
243	TIP	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	30	30	-	30	30	-	38,600
244	TIX	HOSE	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh XNK Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	20	20	-	20	20	-	-
245	TLG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	50	50	-	50	50	-	80,000
246	TMP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	30	30	-	30	30	-	-
247	TMS	HOSE	Công ty Cổ phần Transimex	30	30	-	30	30	-	90,000
248	TNC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	20	20	-	20	20	-	-
249	TNG	HNX	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	50	50	-	50	50	-	45,900
250	TNH	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Bệnh viện TNH	50	50	-	50	50	-	44,000
251	TPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	50	50	-	50	50	-	-
252	TRA	HOSE	Công ty Cổ phần Traphaco	40	40	-	40	40	-	109,700
253	TTA	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	20	20	-	20	20	-	15,000

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
254	TV2	HOSE	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	50	50	-	50	50	-	-
255	TVD	HNX	CTCP Than Vàng Danh - Vinacomin	20	20	-	20	20	-	22,000
256	TVS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	20	30	10	20	30	10	26,000
257	VC3	HNX	Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 3 - Vinaconex 3	10	10	-	10	10	-	30,000
258	VC7	HNX	Công ty cổ phần Tập đoàn BGI	10	10	-	10	10	-	30,000
259	VCB	HOSE	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
260	VCG	HOSE	Tổng CTCP XNK và Xây dựng Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
261	VCI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	50	50	-	50	50	-	-
262	VCS	HNX	Công ty cổ phần VICOSTONE	50	50	-	50	50	-	100,000
263	VDP	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Vidipha	30	30	-	30	30	-	50,000
264	VDS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	50	50	-	50	50	-	-
265	VFG	HOSE	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	20	20	-	20	20	-	60,000
266	VGC	HOSE	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	50	50	-	50	50	-	-
267	VGS	HNX	Công ty Cổ Phần Ống thép Việt Đức VGPIPE	40	40	-	40	40	-	36,000
268	VHC	HOSE	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	50	50	-	50	50	-	-
269	VHM	HOSE	Công ty Cổ phần Vinhomes	50	50	-	50	50	-	-
270	VIB	HOSE	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
271	VIC	HOSE	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	50	50	-	50	50	-	-
272	VIP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	50	50	-	50	50	-	-
273	VIX	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán VIX	50	50	-	50	50	-	-
274	VJC	HOSE	Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	50	50	-	50	50	-	120,000
275	VND	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	50	50	-	50	50	-	-
276	VNF	HNX	CTCP Vinafreight	20	20	-	20	20	-	15,000
277	VNM	HOSE	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
278	VNS	HOSE	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	30	30	-	30	30	-	20,000
279	VOS	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	30	30	-	30	30	-	-
280	VPB	HOSE	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	50	50	-	50	50	-	-
281	VPD	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	40	40	-	40	40	-	-
282	VPG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	50	50	-	50	50	-	30,000
283	VPI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	30	30	-	30	30	-	-
284	VRC	HOSE	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	10	20	10	10	20	10	10,000
285	VRE	HOSE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	50	50	-	50	50	-	-
286	VSC	HOSE	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua cũ (%))	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua hiện hành (%))	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
287	VSH	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh	30	30	-	30	30	-	-
288	VTO	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	50	50	-	50	50	-	20,000
289	VTP	HOSE	Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	50	50	-	50	50	-	80,000
290	YEG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1	20	20	-	20	20	-	19,000

Ghi chú:

1. Các cổ phiếu được phép giao dịch ký quỹ khác ngoài danh sách trên được xem như tỷ lệ cho vay (tính sức mua) là 0% (hay tỷ lệ ký quỹ là 100%).
2. TCSC bảo lưu quyền thay đổi tỷ lệ cho vay/tính sức mua/tỷ lệ tính tài sản và/hoặc bất kỳ giá trị nào trong danh sách trên mà không cần phải thông báo/được sự đồng thuận của khách hàng. Việc sắp xếp hay thay đổi này có thể dẫn đến yêu cầu nộp thêm tài sản thế chấp/lệnh gọi ký quỹ đối với tài khoản khách hàng.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRINH TẤN LỰC